

Bản án số: 1047/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2022

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Mai

- Ông Võ Thành Viên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án quận Gò Vấp

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**

Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 774/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXX - ST ngày 27/5/2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2022/QĐHPT – ST ngày 21/6/2022), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê Tr, sinh năm 1981

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Cư trú: TP Thủ Đức, TPHCM

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1982, là bị đơn

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là ông Nguyễn Lê Tr trình bày:

Ông Nguyễn Lê Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tự nguyện xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn. Lần 1, ông Tr và bà Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2007, ngày 31/3/2008 của Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1009/2016/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Lần 2, ông Tr và bà Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, do Ủy ban nhân

dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2018. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, không cùng quan điểm, không tiếng nói chung. Nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được nên ông Tr yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình. Thời gian chung sống có hai con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 05/4/2020. Ông Tr đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Đ và giao bà Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Ch, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà Điền thừa nhận bà và ông Nguyễn Lê Tr chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn. Từ tháng 11/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Tr qua lại với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, bà vẫn mong chồng quay về để gia đình đoàn tụ. Về con chung, bà Đ thừa nhận có hai con chung như ông Tr trình bày, bà đề nghị lấy ý kiến của trẻ Đ về nguyện vọng sống cùng với ai, sau đó bà sẽ thỏa thuận với ông Tr. Về tài sản chung, bà có nguyện vọng phân tố chia tài sản chung vợ chồng.

Tại bản tự khai, trẻ Nguyễn Tiến Đ trình bày nguyện vọng của mình là ở với ai cũng được, vì dù là ba hay mẹ thì ai cũng yêu thương và chăm sóc con chu đáo.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2022, ông Nguyễn Lê Tr trình bày về con chung như sau: Giao bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và ông Tr cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Lê Tr có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như nêu trên. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Đ vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại số --- quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49, do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2018. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về tình trạng hôn nhân:

Cả hai đương sự đều xác định cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2020 và đã sống ly thân. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình nhưng bị đơn mong muốn đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc các đương sự xác định có mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân; Bị đơn mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không đến tòa án để dự phiên hòa giải, không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân gia đình của cả hai không còn nữa. Thời gian sống ly thân cả hai đều mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai thể hiện đời sống vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung:

Có hai con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 05/4/2020. Nguyên đơn đề nghị giao hai con chung cho bị đơn tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyên đơn cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng. Xét, bị đơn đang trực tiếp chăm sóc hai con chung nhưng bị đơn không đến tòa án để trình bày ý kiến về con chung. Đề nghị của nguyên đơn phù hợp nguyện vọng của con chung nên cần duy trì tình trạng nuôi con như hiện nay, việc giao hai con chung cho bị đơn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là cần thiết và

phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung:

2.3 Về tài sản chung: Nguyên đơn đề nghị tự thỏa thuận. Bị đơn muốn chia tài sản chung nhưng không làm đơn phản tố, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Lê Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 49, do Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2018 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Ngọc Đ quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 24/10/2008 và Nguyễn Ngọc Minh Ch, sinh ngày 05/4/2020 cho đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Lê Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Lê Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng do ông Nguyễn Lê Tr chịu. Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Tr đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2021/0047073 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Lê Tr còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị